

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Lê Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Ngọc N. Sinh năm 1989; nơi cư trú: khóm X, phường V, thị xã V, tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Hoàng V, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Lâm Hoàng V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên không còn hạnh phúc. Chị N và anh V sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Về hôn nhân: Chị N yêu cầu ly hôn với anh V; về con chung: trong thời gian chung sống chị N và anh V có một con chung tên Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/9/2014, hiện nay cháu H đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu nuôi con chung là Lâm Ngọc Bảo H cho đến khi cháu H thành niên, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị N và anh V không có tài sản chung và nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn số 17, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 04/3/2009, họ và tên chồng Lâm Hoàng V và họ và tên vợ Trịnh Thị Ngọc N (bản chính); Giấy khai sinh số 650/2014 họ và tên Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/9/2014, họ và tên cha Lâm Hoàng V, họ và tên mẹ Trịnh Thị Ngọc N, đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/11/2014 (bản sao). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan có thẩm quyền cấp nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Lâm Hoàng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, anh V không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Tại phiên tòa anh V vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: xử cho chị N ly hôn với anh V; về con chung: giao cháu Lâm Ngọc Bảo H cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Trịnh Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Lâm Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị N. Chị N và anh V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn sâu đậm. Chị N và anh V không chung sống cùng nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Từ đó đến nay, anh chị không có liên hệ để hàn gắn tình cảm nhằm đoàn tụ xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị N được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/9/2014 cho đến khi thành niên, chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng. Cháu H là con chung của chị N và anh V, từ khi chị N và anh V không chung sống cùng nhau, cháu H sống chung với anh V, đến ngày 18/3/2022 (ngày 16/02/2022 âm lịch), thì cháu H sống chung với chị N tại địa chỉ khóm X, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cho đến nay. Xét cháu H đang sống chung với chị N, chị N đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu H, anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị N, cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị N có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu H. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/9/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh V không ai được cản trở. Anh V không được lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị N. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh V không chịu án phí; chị N phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ngọc N.

1. Về hôn nhân: cho chị Trịnh Thị Ngọc N và anh Lâm Hoàng V ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Lâm Ngọc Bảo H, sinh ngày 20/9/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh V không ai được cản trở. Anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của chị N. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, nên anh V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh V không phải chịu án phí; chị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009024 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV-THA);
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan